

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2020/HSST

Ngày: 29/09/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mão.

Ông Phạm Ngọc Lợi.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Việt Cường, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Việt Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 09 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: Nguyễn Văn Đ, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: nam; Sinh năm 1997, tại Hà Nam; Nơi ở và nơi ĐKKHKT: thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: theo đạo Thiên chúa giáo; Trình độ văn hoá: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ bốn; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2020 đến ngày 25/7/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và Tên: Cù Văn M, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: nam; Sinh năm 1985, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở: thôn N, xã C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Cù Văn T và bà Cù Thị T; Vợ: Lê Thùy L; Con: có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2020 đến ngày 25/7/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (có mặt).

Người làm chứng: anh Lê P, (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Cù Văn M là thợ sửa chữa xe ô tô ở huyện T, tỉnh Hà Nam có mối quan hệ quen biết nhau và đều là người nghiện ma túy. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/7/2020 Đ rủ M đi mua ma túy để sử dụng, M đồng ý và bảo Đ góp tiền chung để mua ma túy, Đ đồng ý và đưa M 100.000^d. Sau đó M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 36P4-...9 chở Đ đi từ huyện T, tỉnh Hà Nam đến khu vực Chợ Lèn thuộc huyện H, tỉnh Thanh Hóa tìm mua ma túy, tại đây M và Đ gặp và mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng với giá 200.000^d. Sau khi mua được ma túy M và Đ lấy 1 ít ra để sử dụng, số ma túy còn lại M chia ra làm 2 phần cho vào 02 gói nhỏ có đặc điểm: 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng và 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng. Sau đó M bỏ 02 gói ma túy vào túi quần bên trái đang mặc và điều khiển xe mô tô chở Đ đi về huyện T, tỉnh Hà Nam. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày M và Đ đi đến đường ĐT477 thuộc địa phận thôn B, xã N, thành phố N thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động, Công an tỉnh Ninh Bình đang làm nhiệm vụ tại đây phát hiện thấy xe mô tô do M điều khiển chở Đ ngồi sau không chấp hành đèn tín hiệu giao thông nên tiến hành kiểm tra hành chính. Biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, M đã tự giác lấy 02 gói ma túy ở trong túi quần trái đang mặc có đặc điểm: 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng trong có chất bột dạng cục màu trắng và 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng trong có chất bột dạng cục màu trắng giao nộp cho tổ công tác, M và Đ khai nhận đây là Heroine cả hai góp tiền mua để cùng nhau sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong 02 gói ma túy vừa thu giữ của M vào trong phong bì niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó đưa M, Đ cùng vật chứng về trụ sở Công an xã N, thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 36P4-...9.

Cân xác định trọng lượng chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của Cù Văn M kết quả như sau:

- Gói thứ nhất có khối lượng chất bột dạng cục màu trắng là 0,150 gam ký hiệu M1 gửi giám định.
- Gói thứ hai có khối lượng chất bột dạng cục màu trắng là 0,115 gam ký hiệu M2 gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 205 ngày 24/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1453 gam, M2 có khối lượng 0,1149 gam. Tổng khối lượng chất bột dạng cục màu trắng trong hai mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2 là 0,2602

gam. Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1, M2 đều là ma túy, loại Heroine. Heroine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục I, có số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Hoàn lại đối tượng giám định bao gồm: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 0,0835 gam, M2 có khối lượng là 0,0610 gam đều là ma túy, loại Heroine cùng giấy gói ban đầu.

Tại bản cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 08/09/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Cù Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số 205/KLGD-PC09-MT ngày 24/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Cù Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt Cù Văn M từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2020.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS);

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại, do cơ quan giám định hoàn trả cùng toàn bộ vỏ bao gói ban đầu.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Cù Văn M là người khuyết tật nặng nên được miễn án phí.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát;

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên;

Lời nói sau cùng của các bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để yên tâm cải tạo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng; Kết luận giám định số 205/KLGD-PC09-MT ngày 24/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; Do đó có đủ căn cứ kết luận: khoảng 20 giờ 40 phút ngày 20/7/2020 tại khu vực đường ĐT477 thuộc địa phận thôn B, xã N, thành phố N, Nguyễn Văn Đ và Cù Văn M có hành vi cất giữ trái phép 0,2602 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng bị phát hiện, bắt giữ. (*Heroine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục I, số thứ tự 9 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy*).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự đồng thời biết rất rõ tác hại của ma túy và việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy bị nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi cất giữ trái phép 0,2602 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, các bị cáo đều là những người đã trưởng thành nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho xã hội mà lao vào con đường phạm tội. Với tính chất mức độ tham gia và vai trò khác nhau của các bị cáo, do đó khi cá thể hóa trách nhiệm hình sự, để quyết định hình phạt cũng cần xem xét áp dụng hình phạt cho phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo; Trong vụ án này bị cáo Đ là người chủ động rủ bị cáo M đi mua ma túy về để cùng sử dụng chung, bị cáo M là người thực hành tích cực, khi được Đ rủ đi mua ma túy để sử dụng chung, M đồng ý trực tiếp điều khiển xe mô tô Đ đi mua ma túy đồng thời là người trực tiếp mua ma túy;

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có;

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị can M được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người khuyết tật nặng*” và “*Người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm p, r khoản 1 Điều 51 BLHS.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt,

tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo cai nghiện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy trong mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 0,0835 gam, M2 có khối lượng là 0,0610 gam và toàn bộ vỏ bao gói ban đầu do cơ quan giám định hoàn trả là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[4] Các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc số ma túy Đ và M khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực chợ Lèn thuộc xã H, huyện Thanh Hóa, Đ và M không biết tên và địa chỉ người đàn ông này do đó không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Cù Văn M là người khuyết tật nặng nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Cù Văn M;

- Điều 47 BLHS; khoản 2 các điều 106, 135, 136 BLTTHS; các điều 12, 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Cù Văn M đều phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2020.

1.2. Xử phạt bị cáo Cù Văn M 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2020.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/9/2020 giữa Cơ quan CSĐT công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Cù Văn M được miễn án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA.DS TP Ninh Bình;
- Thi hành án HS;
- Trại tạm giam Ninh Bình;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

